

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga và ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Cửu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989;

Địa chỉ đăng ký thường trú: Số nhà F, Khu dân cư T, Đường D, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số nhà F, Khu dân cư T, Đường D, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L và ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức D tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013, quyển số 01, ngày 05/02/2013. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong nhiều vấn đề. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện

nay vợ bà đã sống ly thân, bà đã đưa các con của bà và ông D về sinh sống tại quê ở Quảng Trị. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức D.

Về con chung: Bà và ông D có 03 con chung tên là Nguyễn Hoàng Khánh L1, sinh ngày 27/7/2013; Nguyễn Phương T, sinh ngày 29/9/2019; Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/5/2024. Hiện nay cả 03 con chung đều đang ở với bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà yêu cầu giao cả 03 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 4.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà thay đổi ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà có nghề nghiệp kinh doanh tự do, có chỗ ở và thu nhập ổn định hàng tháng để nuôi con, nên bà xác định đủ khả năng, điều kiện để có thể chăm sóc, nuôi dưỡng các con chu đáo mà không cần ông D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Đức D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không đến Tòa án làm việc gây ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn. Về con chung: Giao 03 con chung tên là Nguyễn Hoàng Khánh L1, sinh ngày 27/7/2013; Nguyễn Phương T, sinh ngày 29/9/2019; Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/5/2024 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện đối với ông Nguyễn Đức D, yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại: Số nhà F, Khu dân cư T, Đường D, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Đức D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đức D chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013, quyển số 01, ngày 05/02/2013. Căn cứ các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà L và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống, bà L và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại chính quyền địa phương nơi bà L và ông D chung sống cho thấy: quá trình chung sống giữa bà L và ông D có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung nhà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông D; tiến hành triệu tập làm việc và thông báo cho ông D đến tham gia phiên họp hòa giải tại Tòa án nhưng ông D vắng mặt không có lý do, đồng thời bà L cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải; nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự. Cho thấy cả bà L và ông D đều không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn hôn nhân.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà L và ông D có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng; vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông D.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông D có 03 con chung tên là Nguyễn Hoàng Khánh L1 sinh ngày 27/7/2013, Nguyễn Phương T sinh ngày 29/9/2019 và Nguyễn Quỳnh An sinh ngày 02/5/2024. Hiện nay cả 03 con chung đều đang ở với bà L. Xét bà L đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và việc giao các cháu cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sự gắn kết tình cảm giữa các cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Hoàng Khánh L1. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh

tại chính quyền địa phương thể hiện bà L đủ điều kiện để có thể chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết giao các cháu Nguyễn Hoàng Khánh L1, Nguyễn Phương T và Nguyễn Quỳnh A cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Do bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết, ông D cũng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu giải quyết, ông D cũng không có đơn yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Đức D.

1.2. Về con chung:

Giao các cháu: Nguyễn Hoàng Khánh L1 sinh ngày 27/7/2013, Nguyễn Phương T sinh ngày 29/9/2019 và Nguyễn Quỳnh An S ngày 02/5/2024 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp

luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025036 ngày 15/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Bà L, ông D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Tuyền